

Bản án số: 51/2020/KDTM-PT

Ngày 24/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Ý

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Thành

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/KDTM-PT ngày 07/01/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1974/2020/QĐPT-KDTM, ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (Viết tắt là Agribank), địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn B; địa chỉ: Số 20B, đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2014 và ngày 27/12/2019 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của ông B: Bà Dương Thị Phụng N, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 20B, đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019 và ngày 19/6/2020 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (Viết tắt là Công ty Đ), địa chỉ: Số 251, đường M, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trần Thị Kim H; địa chỉ: Số nhà 13/3, đường N, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H: Ông Đặng Hiền S, sinh năm 1960; địa chỉ: 612/41 đường M, khóm 6, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2020 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn H, trú tại: Số nhà 05, Lô 91B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Ông Trần Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: 118 quốc lộ 1A, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng – Giấy ủy quyền ngày 02/3/2020 (có mặt).

2. Bà Trần Thị Kim S, trú tại: Số nhà 13/3, Đường N, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thu H1, trú tại: Số nhà 495<sup>D</sup>, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị Kim Th, trú tại: Số nhà 495<sup>G</sup>, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Th: Ông Trần Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: 118 quốc lộ 1A, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng – Giấy ủy quyền ngày 02/3/2020 (có mặt).

5. Ông Lê Văn D, trú tại: Số nhà 495<sup>G</sup>, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Ông Đinh Quốc B, trú tại: Số nhà 13/3, Đường N, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông B: Ông Trần Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: 118 quốc lộ 1A, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng – Giấy ủy quyền ngày 02/3/2020 (có mặt).

7. Ông Lê Di Th, trú tại: Số nhà 495<sup>G</sup>, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Bà Trần Thị Kim H, trú tại: Số nhà 13/3, Đường N, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các ông H, bà S, ông B, bà Hà, ông D, bà Th, ông Th: Bà Trần Thị Kim H, trú tại: Số 13/3, đường N, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Văn bản ủy quyền cùng ngày 22/7/2018 (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Ph, trú tại: Số nhà 495<sup>D</sup>, đường Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

10. Bà Mã Cẩm T, trú tại: Số nhà 495, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

11. Ông Lê Gia L, trú tại: Số nhà 495<sup>D</sup>, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

12. Bà Trần Kim H2, trú tại: Số nhà 495, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

13. Ông Trương Hồng Q, trú tại: Số nhà 122B, đường 30/4, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

14. Ông Đinh Hiếu Ngh, trú tại: Số nhà 495, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

15. Bà Phạm Âu Trúc L, trú tại: Số nhà 495<sup>G</sup>, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

16. Bà Đinh Minh Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt).

17. Bà Đinh Minh Tr1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bà Tr và bà Tr1: Số nhà 495, Đường L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú tại nước ngoài: Số 2/24 Wordsworth Avenue, Clayton South, Victoria, Australia.

Người đại diện hợp pháp của bà Tr và bà Tr1: Ông Đặng Hiền S, sinh năm 1960; trú tại: Số nhà 612/45N, đường M, khóm 6, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Văn bản ủy quyền cùng ngày 28/3/2019 (có mặt).

18. Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S; địa chỉ: Số 17, đường C, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Thanh K, trú tại: Số 17, đường C, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Giám đốc Công ty (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Kiệt: Bà Nguyễn Thị Thu Tr2, sinh năm 1978; trú tại: 673/8 đường L, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2019 (có mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH Đ, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Kim Th, ông Đinh Quốc B, bà Trần Kim H2, Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N và người đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn B có lời trình bày:

Công ty TNHH Đ đã ký hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 với Agribank - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng vay số tiền 30.000.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng, để chi phí xây dựng các công trình giao thông. Tổng dư nợ của hợp đồng tín dụng thể hiện qua các lần nhận nợ theo bảng kê tính lãi đính kèm.

Công ty đã dùng các tài sản của công ty và các cá nhân để thế chấp vay vốn tại Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng theo hạn mức được cấp tín dụng. Cụ thể gồm 07 hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 1601/HĐTC ngày 10/07/2013 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 1942 ngày 25/08/2015), được ký giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với ông Trần Văn H để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 316608 ngày 02/8/2012 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn H; đất thửa số 12, tờ bản đồ 29, diện tích 1.752,2m<sup>2</sup>.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2596/HĐTC ngày 30/09/2014 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 1943 ngày 25/08/2015), được ký giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là bản chính giấy chứng nhận phương tiện vận tải xe ô tô số 003684 ngày cấp 05/05/2009. Chi tiết thông tin về xe: Biển số đăng ký: 83L-2566; Loại xe: Tải ben; Nhãn hiệu: Kamaz; Màu sơn: Ghi - vàng; Số máy: 031082484535; Số khung: 111B8A000018.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2415/HĐTC ngày 21/10/2015, được ký giữa Agribank Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là bản chính giấy chứng nhận phương tiện vận tải các loại:

3.1. Tên tài sản bảo đảm: Xe đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00309/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0163; Nhãn hiệu: Kobelco; Loại xe: Xe đào bánh xích; Số máy: 194378; Số khung: K-13848; Màu sơn: Vàng

3.2. Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00310/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0164; Nhãn hiệu: Komatsu D20P-5; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 4D94-257621; Số khung: D205-54993; Màu sơn: Vàng.

3.3. Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00311/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0165; Nhãn hiệu: Mitsubishi BD2F; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 1292; Số khung: 1B100044; Màu sơn: Vàng.

3.4. Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00312/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0166; Nhãn hiệu: Mitsubishi BD2F; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 6071; Số khung: 1B100540; Màu sơn: Vàng.

3.5. Tên tài sản bảo đảm: Máy rải bê tông nhựa (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00314/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng

cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0168; Nhãn hiệu: ISUZU HA45C-II; Loại xe: Máy rải bê tông nhựa; Số máy: 586904; Số khung: 9486; Màu sơn: Vàng.

3.6. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00315/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0053; Nhãn hiệu: SAKAI; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: 1800; Số khung: P1-16188; Màu sơn: Vàng.

3.7. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00319/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0057; Nhãn hiệu: HUBER; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: KF-109235; Số khung: KD1092; Màu sơn: Vàng.

3.8. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00321/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0059; Nhãn hiệu: YANMAR; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: V0017; Số khung: WV4000-0017; Màu sơn: Vàng.

3.9. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00322/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0060; Nhãn hiệu: FORD; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: S255670; Số khung: S5270; Màu sơn: Vàng.

3.10. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00323/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0061; Nhãn hiệu: YANMAR; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: V1210; Số khung: WV4000-1210; Màu sơn: Vàng.

3.11. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00324/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0062; Nhãn hiệu: SAKAI-HAMM; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: 8084; Số khung: SH8-13461.

3.12. Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc - đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00326/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0075 ; Nhãn hiệu: CASE S80C; Loại xe: Máy xúc – đào bánh lốp; Số máy: 207/D; Số khung: 5353285.

4. Hợp đồng thế chấp tài sản số 1936/HĐTC ngày 25/08/2015, được ký giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là bản chính giấy chứng nhận phương tiện vận tải các loại:

4.1. Tên tài sản bảo đảm: Máy san (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00292/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0073; Nhãn hiệu: Mitsubishi MG3H; Loại

xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 39201912; Số khung: HA46F370060; Màu sơn: Vàng.

4.2. Tên tài sản bảo đảm: Máy san (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00291/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0072; Nhãn hiệu: Cat 12E; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 15265; Số khung: 21F1068; Màu sơn: Cam.

4.3. Tên tài sản bảo đảm: Máy san bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00328/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0077; Nhãn hiệu: Cat 12E; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 71A284; Số khung: 99E11712; Màu sơn: Vàng.

4.4. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00289/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0070; Nhãn hiệu: Daewoo solar 130w; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6BB1800032; Số khung: SOLAR130W-0647; Màu sơn: Vàng.

4.5. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00290/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0071; Nhãn hiệu: Daewoo solar 130w; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DB58-100086; Số khung: SOLAR130W-0477; Màu sơn: Cam.

4.6. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00306/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0160; Nhãn hiệu: Kobelco; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 711330; Số khung: LE5842; Màu sơn: Vàng.

4.7. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu rung (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00316/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0054; Nhãn hiệu: Ingersollrand SP/56; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: SP/56; Số khung: 6950V; Màu sơn: Vàng.

4.8. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu rung (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00325/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0063; Nhãn hiệu: Case Vibromax W1102; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 00931; Số khung: 840138902; Màu sơn: Vàng.

4.9. Tên tài sản bảo đảm: Lu bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00298/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0074; Nhãn hiệu: Sakai TS7409C; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-554900; Số khung: TS7409; Màu sơn: Xanh.

4.10. Tên tài sản bảo đảm: Lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00286/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0051; Nhãn hiệu: Sakai KD10; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-548975; Số khung: KD10-30593; Màu sơn: Vàng.

4.11. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00318/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0056; Nhãn hiệu: Watanabe; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-545752; Số khung: DA120-545752.

4.12. Tên tài sản bảo đảm: Lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00293/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0052; Nhãn hiệu: Sakai KD7608; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 27770; Số khung: KD8-30193.

4.13. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00317/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0055; Nhãn hiệu: Dongfeng; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 68042; Số khung: 68-042.

4.14. Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00320/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0058; Nhãn hiệu: Sakai KD10; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-577767; Số khung: KD10-32341.

4.15. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00287/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0147; Nhãn hiệu: Kobelco SK120-3; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 119263; Số khung: LP-15905.

4.16. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00280/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0143; Nhãn hiệu: Komatsu PC150; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: BD105-60067; Số khung: 01463.

4.17. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00281/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0144; Nhãn hiệu: Sumitomo LS2650F2PC; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-692247; Số khung: 265P2-5202.

4.18. Tên tài sản bảo đảm: Đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00308/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0162; Nhãn hiệu: Sumitomo S265F2; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-A99424; Số khung: 265F2-5656.

4.19. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00288/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0148; Nhãn hiệu: Sumitomo S265F2; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-944572; Số khung: 265F2-8237.

4.20. Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00307/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0161; Nhãn hiệu: Sumitomo S265F2; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-875706; Số khung: 265F2-7564.

4.21. Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00284/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0068; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 563468; Số khung: FL603300971.

4.22. Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00285/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0069; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 540280; Số khung: FL603300121.

4.23. Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00327/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0076; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 598862; Số khung: FL60A-3276.

4.24. Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00282/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0145; Nhãn hiệu: Komatsu D21P-6; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D95S-W-121144; Số khung: D206-72056.

4.25. Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00283/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0146; Nhãn hiệu: Komatsu D31P; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6D95L-42521; Số khung: 40818.

4.26. Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00313/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0167; Nhãn hiệu: Komatsu D31-18; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6D95L-30680; Số khung: D31P-18-40098.

5. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2597/HĐTC ngày 30/09/2014 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 1944 ngày 25/08/2015), được ký giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là bản chính giấy chứng nhận phương tiện vận tải xe ô tô số 003682 ngày cấp 05/05/2009. Chi tiết thông tin về



xe: Biển số đăng ký 83L-2547; Loại xe: Tải ben; Nhân hiệu: Kamaz; Màu sơn: Ghi - vàng; Số máy: 031082484704; Số khung: 111B8A000017.

6. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2598/HĐTC ngày 30/09/2014 (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 1945 ngày 25/08/2015), được ký giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là trạm trộn bê tông nhựa nóng. Chi tiết thông tin về tài sản: Loại trạm: Bán cơ động; Kiểu trộn: Cường bức - Chu kỳ - Tự động; Công suất: 40 - 50 T/h; Công suất tiêu thụ điện: 130Kw.

7. Hợp đồng thế chấp tài sản số 1935/HĐTC ngày 25/08/2015, được ký giữa Agribank – Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ. Tài sản thế chấp là vật tư, nguyên liệu tồn kho tại công ty.

Tính đến ngày 10/9/2018, bị đơn còn nợ gốc 17.530.919.728 đồng, tiền lãi 2.940.232.734 đồng (Lãi trong hạn 1.908.049.136 đồng, lãi quá hạn 1.032.183.598 đồng).

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/11/2019, bị đơn còn thiếu tiền nợ gốc 17.530.919.728 đồng, tiền lãi 5.206.133.119 đồng (Lãi trong hạn 3.428.686.121 đồng, lãi quá hạn 1.777.446.999 đồng).

*Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết bao gồm:*

1. Buộc Công ty TNHH Đ trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền gốc là 17.530.919.728 đồng, tiền lãi là 5.206.133.119 đồng (Lãi trong hạn 3.428.686.121 đồng, lãi quá hạn 1.777.446.999 đồng) và lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ.

2. Trường hợp Công ty TNHH Đ không thanh toán nợ thì đề nghị phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết và Ngân hàng đồng ý trả lại giấy đăng ký đối với 02 chiếc xe đã bán cho ông Quân.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Agribank đồng ý trả lại 02 Giấy đăng ký xe ô tô cho Công ty TNHH Đại Thành đã bán cho ông Quân và yêu cầu phát mãi đối với 02 xe do Công ty TNHH Đ đã bán cho Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S, vì chưa được sự đồng ý của Agribank và cũng không nộp tiền cho Agribank tương ứng với 02 tài sản thế chấp này.

*- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ, người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn B có lời trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank là buộc Công ty TNHH Đ phải trả số tiền gốc 18.290.000.000 đồng và lãi 762.290.278 đồng (Trong đó, lãi trong hạn 449.775.278 đồng, lãi quá hạn 312.515.000 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 30/6/2017 đến ngày trả nợ và xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 2596/HĐTC, số 2597/HĐTC, số 2598/HĐTC ngày 30/9/2014 và Hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013 như sau:

Hợp đồng tín dụng số 1934/LĐTD ngày 25/8/2015 và phụ lục hợp đồng số 2414/PLĐ ngày 21/10/2015 không có căn cứ pháp luật, vì: Vượt thẩm quyền của giám đốc.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 2596/HĐTC, số 2597/HĐTC, số 2598/HĐTC ngày 30/9/2014 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 1943/HĐTC, số 1944/HĐTC và số 1945/HĐTC không có căn cứ pháp luật.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 1601/HĐTC, 10/7/2013 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSDĐ bên thứ ba 1942/HĐTC ngày 25/8/2015 không có căn cứ pháp luật.

+ Xét về tính pháp lý của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD và các phụ lục hợp đồng kèm theo: Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 đã ký kết giữa bên cho vay là Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với ông Trần Ngọc Chánh, Giám đốc Công ty TNHH Đ, sau đó phát sinh phụ lục hợp đồng số 2414/PLĐ ngày 21/10/2015 về “Sửa đổi, bổ sung điều 1 và điều 11”; Phụ lục hợp đồng số 02/PLĐ về “Sửa đổi, bổ sung điều 17” và phụ lục hợp đồng số 03 ngày 17/8/2016 về sửa đổi, bổ sung Điều 2 của hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015.

Tại Điều 1 của phụ lục hợp đồng số 2414/PLĐ ngày 21/10/2015 hạn mức cấp tín dụng (Tối đa): 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng); mức dư nợ cao nhất từ ngày 21/10/2015 là 23.000.000.000 đồng. Đây là hạn mức vượt thẩm quyền ký kết của Giám đốc Công ty TNHH Đ, vi phạm điểm d khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty TNHH Đ năm 2010 và điểm d khoản 2 Điều 56 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 như sau: “Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất” và tại hợp đồng tín dụng này không đảm bảo thủ tục theo Điều lệ công ty là: Không có Nghị quyết Hội đồng thành viên công ty thông qua. Không có báo cáo tài chính về tài sản công ty tại thời điểm công bố gần nhất. Hạn mức tín dụng vượt cả vốn điều lệ công ty tại thời điểm vay vốn (Điều lệ công ty là 21.280.000.000 đồng).

Đối chiếu phụ lục hợp đồng số 02/PLĐ ngày 16/12/2015, hai bên thống nhất sửa đổi, bổ sung Điều 17 của hợp đồng số 1934/HĐTD, nhưng bên dưới nêu: Điều 1 và Điều 2, đây là các điều không có trong thỏa thuận sửa đổi, bổ sung “Không tính”.

Theo Điều 2 của phụ lục hợp đồng số 03 ngày 17/8/2016 về sửa đổi, bổ sung Điều 2” nội dung như sau: “Các điều khoản thỏa thuận khác không nêu phụ lục này vẫn thực hiện theo qui định tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD

ngày 25/8/2015 đã ký giữa Agribank - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và Công ty TNHH Đ”. Như vậy, theo phụ lục hợp đồng số 03 này, thì Điều 2 (Thời hạn hiệu lực hạn mức cấp tín dụng) hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 đã được thay thế kể từ ngày 17/8/2016 (Chấm dứt về thời hạn cho vay). Do đó, các giấy nhận nợ dưới đây mà ông Giám đốc Trần Ngọc Chánh ký nhận nợ từ ngày 25/8/2015 đến ngày 17/8/2015 là trong thời hạn của hợp đồng chính và phụ lục hợp đồng số 03, như sau: Ngày 24/9/2015 nhận nợ số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngày 23/10/2015 nhận nợ số tiền 3.700.000.000 đồng. Ngày 10/11/2015 nhận nợ số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngày 06/4/2016 nhận nợ số tiền 2.600.000.000 đồng, đến ngày báo nợ 30/6/2016 còn nợ là 2.390.000.000 đồng. Ngày 17/5/2016 nhận nợ số tiền 2.300.000.000 đồng. Tổng cộng 14.390.000.000 đồng.

Đối với hai giấy nhận nợ số tiền 3.900.000.000 đồng (Ngày 20/10/2016 vay số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 21/10/2016 vay số tiền 1.900.000.000 đồng) là ngoài hiệu lực của thời hạn, không có căn cứ pháp luật đối với trách nhiệm đối với công ty. Mặt khác, đối với hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015, phụ lục hợp đồng số 2414/PLHĐ; Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ về và phục lục hợp đồng số 03 ngày 17/8/2016 của hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 giữa bên cho vay Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng và ông Chánh Giám đốc Công ty TNHH Đ ký kết trực tiếp, ông H không tham gia ký vào các hợp đồng này.

+ Xét tính hợp pháp của các hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp kèm theo:

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2596/HĐTC, số 2597/HĐTC, số 2598/HĐTC ngày 30/9/2014 đây là thời điểm thế chấp trước hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015. Theo Điều 2 (Nghĩa vụ được bảo đảm) tiền gốc là 50 tỷ đồng, nhưng về phạm vi, nghĩa vụ bảo đảm tại Điều 2 của hợp đồng này không xác định nghĩa vụ thế chấp cho Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức nào, kể cả Biên bản định giá tài sản số 2596, số 2597, số 2598 kèm theo cũng tương tự và đây là các hợp đồng thế chấp tài sản trước hợp đồng cấp tín dụng số 1934/HĐTD.

Đến ngày 25/8/2015, hai bên ký kèm theo các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 1943/HĐTC, số 1944/HĐTC và số 1945/HĐTC về sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 2 của hợp đồng thế chấp tài sản số 2596/HĐTC, số 2597/HĐTC, số 2598/HĐTC ngày 30/9/2014, như sau: “Điều 1. Nghĩa vụ đảm bảo (Thừa, không có thống nhất sửa đổi, bổ sung). Điều 2. Các điều khoản khác không nêu tại hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng này vẫn thực hiện theo quy định hợp đồng thế chấp số 2597/HĐTC, số 2596/HĐTC, số 2598/HĐTC ký kết ngày

30/9/2014”. Như vậy, Điều 2 của các hợp đồng thế chấp chính (Nghĩa vụ bảo đảm không còn tồn tại).

Mặc khác, hợp đồng sửa đổi, bổ sung tài sản thế chấp số 2597/HĐTC, số 2596/HĐTC, số 2598/HĐTC ký kết ngày 30/9/2014 không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm như lần đầu (Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh), không có căn cứ pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Đối chiếu Biên bản làm việc ngày 05/4/2017 giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ, văn bản số 1100/NHNST-KHDN ngày 03/5/2017 của Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng gửi Công ty TNHH Đ, hai bên liên quan đã thỏa thuận liên quan đến tài sản Máy rải bê tông nhựa Biển số XA- 0168, định giá trị 917.658.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số 2415/HĐTC); Xe lu bánh lốp Biển số 83LA-0074, giá trị định giá 395.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số 1936/HĐTC) và Trạm trộn bê tông nhựa nóng, giá trị định giá 1.450.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số 2598/HĐTC) bên ngân hàng đồng ý giảm dư nợ 2.072 triệu đồng hoặc bổ sung tài sản bảo đảm. Ngày 27/9/2017 Ngân hàng chấp thuận cho Công ty bán tài sản thế chấp 2 xe Kamax (Xe tải ben) biển số 83L-2547 (Hợp đồng thế chấp số 2597) và xe tải ben biển số 83-2566 (Hợp đồng thế chấp số 2596) cho ông Trương Hồng Q, địa chỉ số 122B đường 30/4, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng số tiền 759.080.272 đồng (Nội dung ghi giấy nộp tiền là nộp trả vốn và lãi Công ty TNHH Đ, theo giấy nộp tiền ngày 27/9/2017 và chứng từ giao dịch cùng ngày).

Xét về Hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013: Đây là tài sản cá nhân của ông Trần Văn H, ngày 10/7/2013 ông H ký hợp đồng thế chấp QSDĐ của người thứ ba số 1601 này với Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng để bảo lãnh tiền vay cho Công ty TNHH Đ tại thời điểm thế chấp. Theo Điều 2 của hợp đồng thế chấp 1601 này là bảo đảm tiền vay tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) đương nhiên không phải bảo lãnh tiền vay cho hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015, vì hợp đồng này hạn mức cấp tín dụng chỉ 30.000.000.000 đồng.

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 1601A/BBĐG ngày 10/7/2013 kèm theo hợp đồng thế chấp số 1601 thì cũng không nêu cụ thể phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm QSDĐ số BE 316608, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29 khóm 3, phường 4, diện tích 1.752,2 m<sup>2</sup> là bảo đảm tiền vay cho hợp đồng tín dụng hạn mức 50 tỷ đồng, kể cả đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất ngày 10/7/2013 ngày 19/11/2013 cũng tương tự (Không xác định).

Ngày 25/8/2015 các bên (A,B,C) ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1942/HĐTC, thống nhất về “Sửa đổi, 10/7/2013 với các nội dung sau: Bổ sung nội dung Điều 2” của hợp đồng thế chấp QSDĐ số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013. Điều 1. Nghĩa vụ đảm bảo (Thừa, không có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung)”. “ Điều 2. Các Điều khoản khác không nêu ở hợp đồng sửa đổi, bổ sung này vẫn thực hiện theo quy định trong hợp đồng thế chấp QSDĐ bên thứ ba số 1601/HĐTC ký kết này 10/7/2013.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ thời điểm công chứng và một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013 đã được Văn phòng Công chứng Ba Xuyên chứng nhận theo số 537 quyền số 9 TP/CC-SCC/HĐ ngày 06/8/2013. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này được lập thành 05 (Năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 (Hai) bản, bên B giữ 01 (Một) bản, bên C giữ 01 (Một) bản, cơ quan Công chứng giữ 01 (Một) bản. Như vậy, theo Điều 2 sửa đổi, bổ sung của hợp đồng thế chấp số 1942/HĐTC ngày 25/8/2015 này, thì Điều 2 (Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm) của hợp đồng thế chấp số 1601/HĐTC đã được thay thế và không tồn tại. Mặt khác, hợp đồng thế chấp số 1942/HĐTC không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ là không có căn cứ pháp luật.

+ Xét về trách nhiệm của Công ty TNHH Đ đối với hợp đồng cấp tín dụng hạn mức 1934/HĐTD: Đối chiếu điểm d khoản, Điều 14, Điều lệ Công ty TNHH Đ năm 2010 và điểm d khoản 2 Điều 56 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì ông Trần Ngọc Chánh, Giám đốc đã ký kết hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐT ngày 25/8/2015 vượt thẩm quyền, do đó hợp đồng tín dụng này không có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, cũng theo quy định điểm d khoản 2 Điều 14 và điểm e khoản 2 Điều 20 của Điều lệ của công ty, thì có thể hiểu Giám đốc có thẩm quyền ký kết hợp đồng vay vốn dưới 50%, do đó công ty chỉ chấp nhận 49% số tiền ký nhận nợ của ông Trần Ngọc Chánh (Tính từ 25/8/2015 - 17/8/2016) số tiền là  $14.390.000.000 \text{ đồng} \times 49\% = 7.051.100.000 \text{ đồng} - 759.080.272 \text{ đồng}$  (Bán tài sản nộp) =  $6.291.919.728 \text{ đồng}$  (Nợ gốc), nợ lãi 552.444.999 đồng, lãi phát sinh từ ngày 30/6/2017 đến ngày trả tất nợ, Công ty chấp nhận việc xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 1936, ngày 25/8/2015 (Giá trị tài sản thế chấp còn lại là 9.619.736.000 đồng). Phần nợ gốc và lãi còn lại do ông Chánh ký nhận vượt thẩm quyền và quá thời hạn của hợp đồng tín dụng là thuộc trách nhiệm của cá nhân ông Chánh.

Nay người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Đ yêu cầu: Chấp nhận một phần yêu cầu của Agribank về nợ gốc, lãi và lãi phát sinh. Công ty

TNHH Đ có trách nhiệm trả cho Agribank nợ gốc 6.291.919.728 đồng + lãi 552.444.999 đồng và lãi phát sinh từ ngày 30/6/2017 đến ngày trả tất nợ. Số tiền nợ gốc còn lại thuộc trách nhiệm cá nhân ông Chánh. Trong trường hợp Công ty TNHH Đại Thành không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì phát mãi tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 1936, ngày 25/8/2015. Buộc Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH Đ và cá nhân các tài sản thế chấp không có căn cứ pháp luật và xóa thế chấp tài sản tại các hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản số 1935/HĐTC, ngày 25/8/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 2415/HĐTC, ngày 21/10/2015. Hoàn trả và xóa thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BE 316608, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.752,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC, ngày 10/7/2013 cho ông H. Hoàn trả và xóa thế chấp giấy đăng ký chủ quyền 02 xe Kamax (Xe tải ben) biển số 83L-2547, tại hợp đồng thế chấp số 2597/HĐTC, ngày 30/9/2014 và xe biển số 83-2566, tại hợp đồng thế chấp số 2596/HĐTC, ngày 30/9/2014 cho ông Quân. Ngoài ra, đối với 02 xe bán cho Công ty TNHH tư vấn đầu tư Sông Hậu được Ngân hàng chấp thuận tại biên bản làm việc ngày 05/4/2017.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Trần Thị Kim H trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc ông H có nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 và việc xử lý tài sản thế chấp của ông H tại hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013, nếu Công ty TNHH Đ không hoàn thành nghĩa vụ với Agribank, bởi lẽ như sau:

+ Xét về hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1934/HĐTD giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng và ông Chánh, Giám đốc Công ty TNHH Đ ký kết; ông H không có tham gia ký kết. Do đó ông H không có trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng hạn mức này.

+ Xét về tính pháp lý của hợp đồng thế chấp số 1601/HĐTC: Đây là tài sản cá nhân của ông Trần Văn H, Ngày 10/7/2013 ông H ký hợp đồng thế chấp QSDĐ bảo lãnh của người thứ ba số 1601/HĐTC này với Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng để bảo lãnh tiền vay cho Công ty TNHH Đ, theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp này là bảo đảm tiền vay tại hợp đồng tín dụng hạn mức 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) nhưng không nói rõ là hợp đồng tín dụng nào, đương nhiên

không phải bảo lãnh tiền vay cho hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015.

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 1601A/BBĐG ngày 10/7/2013 kèm theo hợp đồng thế chấp số 1601/HĐTC thì cũng không nêu cụ thể phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm QSDĐ số BE 316608, diện tích 1.752,2m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 29, khóm 3, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho hợp đồng tín dụng cụ thể nào, kể cả đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/7/2013 ngày 19/11/2013 cũng tương tự (Không xác định hợp đồng cấp tín dụng hạn mức nào).

Ngày 25/8/2015 các bên (A,B,C) ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1942/HĐTC, thống nhất về “Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 2” của hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013 với các nội dung sau: Điều 1. Nghĩa vụ đảm bảo (Thừa, không có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung”. “Điều 2: Các điều khoản khác không nêu ở hợp đồng sửa đổi, bổ sung này vẫn thực hiện theo quy định trong hợp đồng thế chấp QSDĐ bên thứ ba số 1601/HĐTC ký kết này 10/7/2013”. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ thời điểm công chứng và một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013 đã được Văn phòng Công chứng Ba Xuyên chứng nhận theo số 537 quyển số 9 TP/CC-SCC/HĐ ngày 06/8/2013. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này được lập thành 05 (Năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 (Hai) bản, bên B giữ 01 (Một) bản, bên C giữ 01 (Một) bản, cơ quan Công chứng giữ 01 (Một) bản.

Như vậy, theo Điều 2 sửa đổi, bổ sung của hợp đồng thế chấp số 1942/HĐTC ngày 25/8/2015, thì Điều 2 (Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm) của hợp đồng thế chấp số 1601/HĐTC đã được thay thế và không tồn tại. Mặc khác, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSDĐ số 1942/HĐTC không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ, là không có căn cứ pháp luật.

*Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:*

Bác đơn yêu cầu về xử lý tài sản tại hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013 của người khởi kiện.

Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, buộc Agribank phải có trách nhiệm xóa thế chấp tại Giấy chứng nhận QSDĐ số BE 3166608, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29, khóm 3, phường 4, diện tích 1.752,2m<sup>2</sup> hoàn trả lại cho ông H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật hiện hành.

- *Tại biên bản lấy khai ngày 19/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hồng Q trình bày:*

Ông có mua của Công ty TNHH Đ 02 xe ben hiệu Kamaz gồm: Xe biển số 83L-2547, số máy 031082484535, theo giấy chứng nhận phương tiện vận tải xe ô tô số 003684 cấp ngày 05/5/2009 và xe biển số 83L-2566, số máy 031082484704, theo giấy chứng nhận phương tiện vận tải xe ô tô số 003682 cấp ngày 05/5/2009.

Số tiền mua là 759.080.272 đồng và ông cùng với người đại diện của Công ty TNHH Đ là bà Th đã nộp cho Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng số tiền này là đủ vốn, lãi phát sinh được bảo đảm bằng 02 tài sản thế chấp này theo Hợp đồng thế chấp số 2596 và 2597, cùng ngày 30/9/2014. Nhưng từ lúc mua và trả số tiền vừa nêu cho Ngân hàng đến nay thì Công ty TNHH Đ và Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng vẫn chưa xóa đăng ký thế chấp và giao cho ông bản chính giấy chứng nhận phương tiện vận tải của 02 xe nêu trên, 02 chiếc xe nêu trên hiện nay ông vẫn đang quản lý, sử dụng tại địa bàn thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng để kinh doanh vật liệu xây dựng, ông không có bán, cầm cố, thế chấp, cho thuê, cho mượn 02 xe này. Đồng thời, ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

- *Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Minh Tr và Đinh Minh Tr1 là ông Đặng Hiền S trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông H tại hợp đồng thế chấp QSDĐ của bên thứ ba số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013, nếu Công ty TNHH Đ không hoàn thành nghĩa vụ với Agribank, bởi lẽ như sau: Xét về tính pháp lý của hợp đồng thế chấp số 1601/HĐTC: Đây là tài sản cá nhân của ông H, Ngày 10/7/2013 ông H ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bảo lãnh của người thứ ba số 1601/HĐTC này với Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng để bảo lãnh tiền vay cho Công ty TNHH Đ, theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp này là bảo đảm tiền vay tại hợp đồng tín dụng hạn mức 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) nhưng không nói rõ là hợp đồng tín dụng nào, đương nhiên không phải bảo lãnh tiền vay cho hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/8/2019, Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S trình bày:*

Vào ngày 16/03/2017, công ty có ký hợp đồng với Công ty TNHH Đ về việc mua 02 chiếc xe chuyên dùng gồm: 01 chiếc xe máy rải bê tông nhựa biển số 83XA-0168 hiệu ISUZU HAC II, màu vàng và 01 chiếc xe lu bánh lớn biển số 83LA-0074 hiệu SAKAI TS 7409C, màu xanh đã được Ủy ban nhân dân phường chứng thực vào ngày 14/8/2019.



Việc mua 02 xe máy chuyên dùng trên có sự thống nhất theo biên bản làm việc ngày 05/4/2017 giữa Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng với Công ty TNHH Đ theo trình bày bằng văn bản của ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Đ vào ngày 05/8/2019. Trên cơ sở đó, Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S đã tiến hành đăng ký để sử dụng 02 xe máy chuyên dùng trên tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng theo đúng quy trình. Hiện tại 02 xe máy chuyên dùng trên đang thuộc sở hữu hợp pháp của công ty và công ty đang sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh, nên công ty yêu cầu được quyền sở hữu 02 xe máy trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 68, khoản 1, 4 Điều 85, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 153, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, 273, điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ; căn cứ điểm b khoản 1, 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; áp dụng án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp QSDĐ mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ - Người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vốn vay còn thiếu là 17.530.919.728 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/11/2019 là 5.206.113.119 đồng; tổng cộng 22.737.052.847 đồng (Hai mươi hai tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ không thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành bán phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 1601/HĐTC, ngày 10/7/2013 và hợp đồng số 1942, ngày 25/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1601, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.752,2m<sup>2</sup> (Đất ODT 150m<sup>2</sup>, đất LNK 1.602,2m<sup>2</sup>), thửa số 12, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp ngày 02/8/2012 cho ông Trần Văn H, nhưng không tính 440m<sup>2</sup> đất ở đô thị (Do được chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở đô thị không có thế chấp). Dành quyền ưu tiên cho bà Trần Kim H2 nhận chuyển nhượng đất gắn liền với 01 căn nhà của bà; dành quyền ưu tiên cho vợ chồng ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H nhận chuyển nhượng đất gắn liền với 02 căn nhà của vợ chồng bà; dành quyền ưu tiên cho vợ chồng bà Trần Thị Kim Th và ông Lê Văn D nhận chuyển nhượng đất gắn liền với 02 căn nhà của vợ chồng bà. Trường hợp, những người này không nhận chuyển nhượng đất gắn liền với nhà thì khi bán phát mãi tài sản sẽ trả lại giá trị nhà và tài sản trên đất cho những người này.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 2598/HĐTC, ngày 30/9/2014 và hợp đồng số 1945, ngày 25/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 2598, tài sản thế chấp là trạm trộn bê tông nhựa nóng, xuất xứ Việt Nam, ký hiệu: TCB-700CK, năm sử dụng: 2003. Loại trạm: Bán cơ động; Kiểu trộn: Cường bức - Chu kỳ - Tự động; Công suất: 40 - 50 T/h; Công suất tiêu thụ điện: 130Kw, hệ thống nấu nhựa gián tiếp.

- Hợp đồng thế chấp số 1936/HĐTC, ngày 25/8/2015, tài sản thế chấp gồm 23 loại tài sản thế chấp còn lại:

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy san (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00292/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0073; Nhãn hiệu: Mitsubishi MG3H; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 39201912; Số khung: HA46F370060; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy san (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00291/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0072; Nhãn hiệu: Cat 12E; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 15265; Số khung: 21F1068; Màu sơn: Cam.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy san bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00328/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0077; Nhãn hiệu: Cat 12E; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 71A284; Số khung: 99E11712; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00289/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0070; Nhãn hiệu: Daewoo solar 130w; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6BB1800032; Số khung: SOLAR130W-0647; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00290/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0071; Nhãn hiệu: Daewoo solar 130w; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DB58-100086; Số khung: SOLAR130W-0477; Màu sơn: Cam.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00306/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0160; Nhãn hiệu: Kobelco; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 711330; Số khung: LE5842; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu rung (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00316/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0054; Nhãn hiệu: Ingersollrand SP/56; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: SP/56; Số khung: 6950V; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu rung (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00325/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0063; Nhãn hiệu: Case Vibromax W1102; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 00931; Số khung: 840138902; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00298/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0074; Nhãn hiệu: Sakai TS7409C; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-554900; Số khung: TS7409; Màu sơn: Xanh.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe Lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00286/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0051; Nhãn hiệu: Sakai KD10; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-548975; Số khung: KD10-30593; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00318/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày

15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0056; Nhãn hiệu: Watanabe; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-545752; Số khung: DA120-545752.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe Lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00293/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0052; Nhãn hiệu: Sakai KD7608; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 27770; Số khung: KD8-30193.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00317/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0055; Nhãn hiệu: Dongfeng; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 68042; Số khung: 68-042.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00320/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0058; Nhãn hiệu: Sakai KD10; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-577767; Số khung: KD10-32341.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00280/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0143; Nhãn hiệu: Komatsu PC150; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: BD105-60067; Số khung: 01463.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00281/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0144; Nhãn hiệu: Sumitomo LS2650F2PC; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-692247; Số khung: 265P2-5202.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe Đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00308/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0162; Nhãn hiệu: Sumitomo S265F2; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-A99424; Số khung: 265F2-5656.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00284/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0068; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 563468; Số khung: FL603300971.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00285/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0069; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 540280; Số khung: FL603300121.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00327/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày

15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0076; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 598862; Số khung: FL60A-3276.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00282/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0145; Nhãn hiệu: Komatsu D21P-6; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D95S-W-121144; Số khung: D206-72056.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00283/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0146; Nhãn hiệu: Komatsu D31P; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6D95L-42521; Số khung: 40818.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00313/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0167; Nhãn hiệu: Komatsu D31-18; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6D95L-30680; Số khung: D31P-18-40098.

Các tài sản này đã tạm giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trực tiếp quản lý. Riêng Xe lu bánh lốp, Biển số đăng ký: 83LA-0074 đã tạm giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S trực tiếp quản lý.

- Hợp đồng thế chấp số 2415/HD8TC, ngày 21/10/2015, tài sản thế chấp gồm 09 loại tài sản thế chấp còn lại:

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00309/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0163; Nhãn hiệu: Kobelco; Loại xe: Xe đào bánh xích; Số máy: 194378; Số khung: K-13848; Màu sơn: Vàng

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00311/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0165; Nhãn hiệu: Mitsubishi BD2F; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 1292; Số khung: 1B100044; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00312/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0166; Nhãn hiệu: Mitsubishi BD2F; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 6071; Số khung: 1B100540; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy rải bê tông nhựa (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00314/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0168; Nhãn hiệu: ISUZU HA45C-II; Loại xe: Máy rải bê tông nhựa; Số máy: 586904; Số khung: 9486; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00315/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày

15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0053; Nhãn hiệu: SAKAI; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: 1800; Số khung: P1-16188; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00319/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0057; Nhãn hiệu: HUBER; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: KF-109235; Số khung: KD1092; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00322/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0060; Nhãn hiệu: FORD; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: S255670; Số khung: S5270; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00324/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0062; Nhãn hiệu: SAKAI-HAMM; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: 8084; Số khung: SH8-13461.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc - đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00326/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0075 ; Nhãn hiệu: CASE S80C; Loại xe: Máy xúc – đào bánh lốp; Số máy: 207/D; Số khung: 5353285.

Các tài sản này đã tạm giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trực tiếp quản lý. Riêng Máy rải bê tông nhựa, Biển số đăng ký: 83XA-0168 đã tạm giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S trực tiếp quản lý.

- Buộc Ngân hàng N – Chi nhánh Sóc Trăng có trách nhiệm trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 003682, do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ngày 05/5/2009, biển số đăng ký 83L-2547 và bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 003684, do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ngày 05/5/2009, biển số đăng ký 83L-2566.

- Hủy 02 Giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S gồm: Giấy chứng nhận đăng ký số: 00314/XMCD, biển số 83XA-0168; nhãn hiệu: ISUZU HAC-II; màu sơn: Vàng; số động cơ: 586904; số khung: 9486; loại xe máy chuyên dùng: Máy rải bê tông nhựa và Giấy chứng nhận đăng ký số: 00298/XMCD, biển số 83LA-0074; nhãn hiệu: SAKAI TS7409C; màu sơn: Xanh; số động cơ: DA120-554900; số khung: TS7409; loại xe máy chuyên dùng: Xe lu bánh lốp.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S tiền bán 02 chiếc xe chuyên dùng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án

của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Từ ngày 02 đến ngày 03/12/2019, Công ty TNHH Đ, ông Trần Văn H, ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim Th, bà Trần Kim H2 kháng cáo:

Công ty TNHH Đ yêu cầu tuyên bố Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 vô hiệu. Công ty TNHH Đ chỉ có nghĩa vụ trả nợ gốc 13.309.919.728 đồng và lãi theo hợp đồng. Đối với nợ gốc 3.900.000.000 đồng không thuộc nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Đ vì không có chứng từ giải ngân cho Công ty Đ.

Ông Trần Văn H, ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim Th, bà Trần Kim H2 kháng cáo yêu cầu tuyên bố Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013 vô hiệu, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H.

Ngày 04/12/2019, Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S kháng cáo yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán 2 xe, nếu không công nhận thì phải xác định lỗi của Agribank không quản lý tài sản thế chấp, gây thiệt hại cho Công ty S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Người đại diện cho Công ty TNHH Đ thừa nhận các bên có ký các hợp đồng tín dụng vay tiền, bảo lãnh tài sản, đến nay Ngân hàng cũng chưa xác định được số tiền chuyển nợ từ hợp đồng cũ sang hợp đồng mới là bao nhiêu, cũng như Ngân hàng không có chứng từ thể hiện đã giải ngân cho Công ty TNHH Đ nên không có căn cứ cho rằng Công ty TNHH Đ còn nợ tiền của Ngân hàng.

Ông Trần Văn B đại diện cho ông H, ông B và bà Th cho rằng người đại diện của Agribank chi nhánh Sóc Trăng khi ký hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp không phải là đại diện hợp pháp cho Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp số 1601 không có liên quan đến hợp đồng vay tiền của Công ty TNHH Đ; khi ông H ký hợp đồng thế chấp trước đó, ông H còn nợ tiền thuế chuyển mục đích đất ở của 400m<sup>2</sup> nên hợp đồng thế chấp bị vô hiệu. Do đó, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H.

Người đại diện của Công ty S cho rằng giao dịch mua bán xe giữa Công ty TNHH Đ và Công ty S đúng trình tự pháp luật quy định, Công ty S đã thanh toán tiền đầy đủ và Công ty TNHH Đ đã xuất hóa đơn GTGT. Công ty TNHH Đ cho

rằng giấy tờ xe bị mất nên kê khai và làm lại giấy tờ xe hợp pháp. Do đó, đề nghị công nhận hợp đồng mua bán giữa hai bên, nếu không công nhận hợp đồng thì đề nghị Tòa xem xét lỗi của Ngân hàng khi nhận thế chấp tài sản không quản lý tài sản, để Công ty TNHH Đ bán cho Công ty S, gây thiệt hại cho Công ty S.

Bà Dương Thị Phượng N đại diện Ngân hàng tham gia tranh tụng: Công ty TNHH Đ là khách hàng tin cậy rất nhiều năm, việc ký kết, thực hiện các hợp đồng cho vay và thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng bổ sung đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản số 1601 đúng theo quy định của pháp luật. Đại diện Công ty TNHH Đ cho rằng tại thời điểm ký kết hợp đồng, người đại diện Ngân hàng không phải là đại diện hợp pháp là không phù hợp. Sau khi ông Chánh chết, đại diện của Công ty TNHH Đ đã đối chiếu xác nhận lại khoản nợ và đồng ý trả nợ, nay lại không đồng ý trả nợ là không phù hợp. Công ty TNHH Đ thế chấp xe cho Ngân hàng nhưng mang đi bán cho Công ty S và nói giấy tờ xe mất là gian dối, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng quy định tố tụng. Về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH Đ, Công ty S, ông H, ông B và bà Th kháng cáo tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Đơn kháng cáo của Công ty S, Công ty TNHH Đ, ông Trần Văn H, ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim Th, bà Trần Kim H2 đúng theo quy định pháp luật, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định, đây là quan hệ kinh doanh thương mại về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, có đương sự ở nước ngoài, việc tranh chấp có liên quan đến tài sản là bất động sản trên lãnh thổ Việt Nam, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Công ty TNHH Đ, ông Trần Văn H, ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim Th, bà Trần Kim H2 yêu cầu tuyên bố Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 vô hiệu thì thấy:



Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 giữa bên cho vay là Agribank - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng với bên vay là Công ty TNHH Đ, tổng mức tín dụng được cấp tối đa là 30.000.000.000 đồng, mức dư nợ cao nhất kể từ ngày 25/8/2015 là 20.500.000.000 đồng, hợp đồng được các bên ký kết theo quy định. Đến ngày 21/10/2015, các bên ký kết phụ lục hợp đồng số: 2414/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Điều 1 và Điều 11 của hợp đồng tín dụng số 1934, cụ thể là điều chỉnh mức dư nợ cao nhất kể từ ngày 21/10/2015 là 23.000.000.000 đồng. Chủ thể các bên tham gia ký kết Phụ lục hợp đồng số: 2414/PLHĐ đúng quy định pháp luật, là một phần của hợp đồng số: 1934/HĐTD ngày 25/8/2015, không thể tách rời. Do đó, Công ty TNHH Đ, ông H, ông B và bà Th kháng cáo cho rằng chủ thể ký kết không đúng pháp luật, Phụ lục hợp đồng không có liên quan nên Điều 11 sửa đổi của hợp đồng tín dụng số 1934 bị vô hiệu là không có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của Công ty TNHH Đ cho rằng Công ty chỉ có nghĩa vụ trả nợ gốc 13.309.919.728 đồng và lãi theo hợp đồng, đối với nợ gốc 3.900.000.000 đồng không thuộc nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Đ thì thấy:

Theo điểm d khoản 2 Điều 14 và điểm e khoản 2 Điều 20 của Điều lệ của Công ty TNHH Đ quy định Giám đốc có thẩm quyền ký kết hợp đồng vay vốn bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty. Đối chiếu với báo cáo tài chính năm 2014 (BL số 541, 542, 543), Công ty TNHH Đ có tổng cộng nguồn vốn là 63.463.700.439 đồng.

Phụ lục hợp đồng số: 2414/PLHĐ đã điều chỉnh mức dư nợ cao nhất kể từ ngày 21/10/2015 là 23.000.000.000 đồng nên thuộc thẩm quyền ký kết của Giám đốc Công ty. Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 03/PL-TD ngày 17/8/2016 xác định thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng đến ngày 25/11/2016 (BL: 69) nên Giấy nhận nợ của Công ty TNHH Đ ngày 20, 21/10/2016 với tổng số tiền 3.900.000.000 đồng (BL: 82, 84) là còn trong thời hạn cấp tín dụng. Do đó, kháng cáo của Công ty TNHH Đ cho rằng các phụ lục hợp đồng Công ty TNHH Đ đã ký kết không có liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 1934/HĐTD ngày 25/8/2015 giữa bên cho vay là Agribank - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng với bên vay là Công ty TNHH Đ nên Công ty TNHH Đ không chịu trách nhiệm trả khoản nợ 3.900.000.000 đồng là không có căn cứ. Đồng thời Công ty TNHH Đ còn cho rằng đến nay Agribank - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng chưa xác định được số tiền chuyển nợ từ hợp đồng cũ sang hợp đồng mới, không cung cấp được chứng từ giải ngân là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của ông Trần Văn H, ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim Th, bà Trần Kim H2 cho rằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1601/HĐTC

ngày 10/7/2013 vô hiệu, yêu cầu xử lý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H thì thấy:

[4.1]. Hợp đồng thế chấp số 1601/HĐTC ngày 10/7/2013, bên nhận thế chấp (Bên A) là Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng, bên thế chấp (Bên B) là ông Trần Văn H, bên vay vốn (Bên C) là Công ty TNHH Đ; người đại diện của ba bên ký kết hợp đồng là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[4.2]. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 316608, thửa số 12, tờ bản đồ số 29, tại khóm 3, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng có diện tích 1.752,2m<sup>2</sup> do UBND thành phố Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn H ngày 02/8/2012. Ngày 02/5/2013, ông Trần Văn H chuyển 440m<sup>2</sup> đất trong tổng diện tích 1.752,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thành đất ở, đồng thời ông Trần Văn H cho các con nhà trên đất... Khi ông Trần Văn H ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng, ông Trần Văn H còn nợ tiền thuế chuyển 440m<sup>2</sup> đất ở, tuy nhiên, đây không phải là căn cứ để dẫn đến hợp đồng thế chấp bị vô hiệu theo quy định tại Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.3]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng này được bên nhận thế chấp là Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng, bên thế chấp là ông Trần Văn H, còn bên vay là Công ty TNHH Đ do người đại diện theo pháp luật là ông Chánh ký kết, hợp đồng đã được công chứng đúng quy định của pháp luật. Do là hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1601, không thay đổi, bổ sung hoặc thay thế bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm và cũng không giảm bớt tài sản bảo đảm nên không bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 12 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP nên hợp đồng thế chấp số 1601 và hợp đồng số 1942 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1601 vẫn có giá trị pháp lý, nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH Đ.

Hiện nay trên đất có 05 căn nhà và tài sản gắn liền thuộc sở hữu của người khác gồm: 01 căn nhà của bà Trần Kim H2, 02 căn nhà của vợ chồng ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H, 02 căn nhà của vợ chồng bà Trần Thị Kim Th và ông Lê Văn D. Các tài sản này không thuộc đối tượng thế chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp QSDĐ mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp là phù hợp. Ngoài ra, tại hợp đồng thế chấp số 1601 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 1942 không thế chấp đối với phần đất cây lâu năm đã được chuyển đổi thành đất ở đô thị với diện tích 440m<sup>2</sup> nên khi phát mãi tài sản thế chấp không tính diện tích 440m<sup>2</sup> đất ở đô thị là có căn cứ.

[5]. Xét đơn kháng cáo của Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán xe rải bê tông nhựa và xe bánh lu xộp với Công ty TNHH Đ thì thấy: Công ty TNHH Đ ký hợp đồng thế chấp 02 chiếc xe chuyên

dùng gồm: 01 chiếc xe máy rải bê tông nhựa biển số 83XA-0168 hiệu ISUZU HAC II, màu vàng (Theo hợp đồng thế chấp số 2415) và 01 chiếc xe lu bánh lớn biển số 83LA-0074 hiệu SAKAI TS 7409C, màu xanh (Theo hợp đồng thế chấp số 1936) đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH Đ bán 02 loại tài sản này, khi chưa được sự đồng ý của Ngân hàng, không giao trả tiền cho Ngân hàng là trái pháp luật là có căn cứ. Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S khi mua tài sản không có giấy tờ nhưng vẫn mua và thông báo mất giấy tờ và làm lại đăng ký tài sản là không đúng quy định của pháp luật. Nay Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S kháng cáo, yêu cầu xem xét lỗi của Agribank - Chi nhánh Sóc Trăng do không quản lý tài sản thế chấp và yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Đ là không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận đơn kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đương sự thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

I. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S, Công ty TNHH Đ, ông Trần Văn H, ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim Th, bà Trần Kim H2; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 68, khoản 1 và khoản 4 Điều 85, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 153, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1, điểm a và điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Căn cứ điểm b khoản 1 khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp QSDĐ mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ - Người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vốn vay còn thiếu là 17.530.919.728 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/11/2019 là 5.206.113.119 đồng; tổng cộng 22.737.052.847 đồng (Hai mươi hai tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ không thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành bán phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 1601/HĐTC, ngày 10/7/2013 và hợp đồng số 1942, ngày 25/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1601, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.752,2m<sup>2</sup> (Đất ODT 150m<sup>2</sup>, đất LNK 1.602,2m<sup>2</sup>), thửa số 12, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp ngày 02/8/2012 cho ông Trần Văn H, nhưng không tính 440m<sup>2</sup> đất ở đô thị (Do được chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở đô thị không có thế chấp). Dành quyền ưu tiên cho bà Trần Kim H2 nhận chuyển nhượng đất gắn liền với 01 căn nhà của bà; dành quyền ưu tiên cho vợ chồng ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H nhận chuyển nhượng đất gắn liền với 02 căn nhà của vợ chồng bà; dành quyền ưu tiên cho vợ chồng bà Trần Thị Kim Th và ông Lê Văn D nhận chuyển nhượng đất gắn liền với 02 căn nhà của vợ chồng bà. Trường hợp, những người này không nhận chuyển nhượng đất gắn liền với nhà thì khi bán phát mãi tài sản sẽ trả lại giá trị nhà và tài sản trên đất cho những người này.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 2598/HĐTC, ngày 30/9/2014 và hợp đồng số 1945, ngày 25/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 2598, tài sản thế chấp là trạm trộn bê tông nhựa nóng, xuất xứ Việt Nam, ký hiệu: TCB-700CK, năm sử dụng: 2003. Loại trạm: Bán cơ động; Kiểu trộn: Cường bức - Chu kỳ - Tự động; Công suất: 40 - 50 T/h; Công suất tiêu thụ điện: 130Kw, hệ thống nấu nhựa gián tiếp.

- Hợp đồng thế chấp số 1936/HĐTC, ngày 25/8/2015, tài sản thế chấp gồm 23 loại tài sản thế chấp còn lại:

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy san (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00292/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0073; Nhãn hiệu: Mitsubishi MG3H; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 39201912; Số khung: HA46F370060; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy san (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00291/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0072; Nhãn hiệu: Cat 12E; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 15265; Số khung: 21F1068; Màu sơn: Cam.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy san bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00328/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0077; Nhãn hiệu: Cat 12E; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 71A284; Số khung: 99E11712; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00289/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0070; Nhãn hiệu: Daewoo solar 130w; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6BB1800032; Số khung: SOLAR130W-0647; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00290/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0071; Nhãn hiệu: Daewoo solar 130w; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DB58-100086; Số khung: SOLAR130W-0477; Màu sơn: Cam.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00306/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0160; Nhãn hiệu: Kobelco; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 711330; Số khung: LE5842; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu rung (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00316/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày

15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0054; Nhãn hiệu: Ingersollrand SP/56; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: SP/56; Số khung: 6950V; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu rung (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00325/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0063; Nhãn hiệu: Case Vibromax W1102; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 00931; Số khung: 840138902; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00298/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0074; Nhãn hiệu: Sakai TS7409C; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-554900; Số khung: TS7409; Màu sơn: Xanh.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe Lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00286/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0051; Nhãn hiệu: Sakai KD10; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-548975; Số khung: KD10-30593; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00318/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0056; Nhãn hiệu: Watanabe; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-545752; Số khung: DA120-545752.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe Lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00293/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0052; Nhãn hiệu: Sakai KD7608; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 27770; Số khung: KD8-30193.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00317/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0055; Nhãn hiệu: Dongfeng; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 68042; Số khung: 68-042.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00320/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0058; Nhãn hiệu: Sakai KD10; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: DA120-577767; Số khung: KD10-32341.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00280/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0143; Nhãn hiệu: Komatsu PC150; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: BD105-60067; Số khung: 01463.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00281/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0144; Nhãn hiệu: Sumitomo

LS2650F2PC; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-692247; Số khung: 265P2-5202.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe Đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00308/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0162; Nhãn hiệu: Sumitomo S265F2; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D31-A99424; Số khung: 265F2-5656.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00284/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0068; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 563468; Số khung: FL603300971.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00285/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0069; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 540280; Số khung: FL603300121.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00327/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0076; Nhãn hiệu: Furukawa FL60A; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 598862; Số khung: FL60A-3276.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00282/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0145; Nhãn hiệu: Komatsu D21P-6; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 4D95S-W-121144; Số khung: D206-72056.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00283/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/11/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0146; Nhãn hiệu: Komatsu D31P; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6D95L-42521; Số khung: 40818.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00313/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0167; Nhãn hiệu: Komatsu D31-18; Loại xe: Xe chuyên dùng; Số máy: 6D95L-30680; Số khung: D31P-18-40098.

Các tài sản này đã tạm giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trực tiếp quản lý. Riêng Xe lu bánh lốp, Biển số đăng ký: 83LA-0074 đã tạm giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S trực tiếp quản lý.

- Hợp đồng thế chấp số 2415/HD8TC, ngày 21/10/2015, tài sản thế chấp gồm 09 loại tài sản thế chấp còn lại:

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe đào bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00309/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày

15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0163; Nhãn hiệu: Kobelco; Loại xe: Xe đào bánh xích; Số máy: 194378; Số khung: K-13848; Màu sơn: Vàng

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00311/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0165; Nhãn hiệu: Mitsubishi BD2F; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 1292; Số khung: 1B100044; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe ủi bánh xích (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00312/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0166; Nhãn hiệu: Mitsubishi BD2F; Loại xe: Xe ủi bánh xích; Số máy: 6071; Số khung: 1B100540; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy rải bê tông nhựa (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00314/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83XA-0168; Nhãn hiệu: ISUZU HA45C-II; Loại xe: Máy rải bê tông nhựa; Số máy: 586904; Số khung: 9486; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00315/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0053; Nhãn hiệu: SAKAI; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: 1800; Số khung: P1-16188; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00319/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0057; Nhãn hiệu: HUBER; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: KF-109235; Số khung: KD1092; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00322/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0060; Nhãn hiệu: FORD; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: S255670; Số khung: S5270; Màu sơn: Vàng.

+ Tên tài sản bảo đảm: Xe lu bánh thép (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00324/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83SA-0062; Nhãn hiệu: SAKAI-HAMM; Loại xe: Xe lu bánh thép; Số máy: 8084; Số khung: SH8-13461.

+ Tên tài sản bảo đảm: Máy xúc - đào bánh lốp (Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00326/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/12/2014); Biển số đăng ký: 83LA-0075 ; Nhãn hiệu: CASE S80C; Loại xe: Máy xúc – đào bánh lốp; Số máy: 207/D; Số khung: 5353285.

Các tài sản này đã tạm giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trực tiếp quản lý. Riêng Máy rải bê tông nhựa, Biển số đăng ký: 83XA-0168 đã tạm giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S trực tiếp quản lý.



- Buộc Ngân hàng N – Chi nhánh Sóc Trăng có trách nhiệm trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 003682, do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ngày 05/5/2009, biển số đăng ký 83L-2547 và bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 003684, do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ngày 05/5/2009, biển số đăng ký 83L-2566.

- Hủy 02 Giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S gồm: Giấy chứng nhận đăng ký số: 00314/XMCD, biển số 83XA-0168; nhãn hiệu: ISUZU HAC-II; màu sơn: Vàng; số động cơ: 586904; số khung: 9486; loại xe máy chuyên dùng: Máy rải bê tông nhựa và Giấy chứng nhận đăng ký số: 00298/XMCD, biển số 83LA-0074; nhãn hiệu: SAKAI TS7409C; màu sơn: Xanh; số động cơ: DA120-554900; số khung: TS7409; loại xe máy chuyên dùng: Xe lu bánh lốp.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư xây dựng S tiền bán 02 chiếc xe chuyên dùng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu 130.737.052 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm năm mươi hai đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.145.000 đồng (Sáu mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 007855 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định tài sản: Tổng chi phí số tiền 3.650.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3.650.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về chi phí ủy thác tư pháp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005679 ngày 25/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## II. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu 2.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002295 ngày 11/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ đã nộp xong án phí.

Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S phải chịu 2.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002281 ngày 06/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng S đã nộp xong án phí.

Ông Trần Văn H thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí. Hoàn trả cho ông H số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002297 ngày 11/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Ông Đinh Quốc B thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí. Hoàn trả cho ông B số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002294 ngày 11/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Thị Kim Th thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Th số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002296 ngày 11/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Kim H2 thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Huệ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002812 ngày 16/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng.

## III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- Dương sự (8)
- Lưu VP (6), HS (1), (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Ý**